

HUY ĐỘNG VỐN THÔNG QUA VIỆC MINH BẠCH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP

ĐINH THỊ HẢI PHONG, TRẦN THỊ MINH NGUYỆT

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, những năm gần đây, tỷ lệ tiếp cận vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa nước ta rất thấp, khoảng 30%. Nguyên nhân là sự thiếu minh bạch trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp còn phổ biến, khiến ngân hàng khó chấp nhận yêu cầu vay vốn. Bài viết trình bày các kênh dẫn vốn trong nền kinh tế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, phân tích thực trạng huy động vốn của các doanh nghiệp này và đề xuất một số giải pháp tiếp cận hiệu quả các nguồn vốn thông qua minh bạch hoạt động tài chính của doanh nghiệp Việt Nam.

Từ khóa: Tiếp cận vốn, minh bạch, báo cáo tài chính, Tổng cục Thống kê, ngân hàng

CAPITAL MOBILIZATION VIA BUSINESS FINANCIAL TRANSPARENCY

Đinh Thị Hải Phong, Trần Thị Minh Nguyệt

According to the figures published by the General Statistics Office of Vietnam, in recent years, the capital accessibility ratio of SMEs in Vietnam has been low at approximately 30%. The reason for this fact is due to the popularity of low transparency in financial reports of businesses making the banks unable to fund their loans. The paper presents the capital channels of SMEs analyzing capital mobilization practice and recommending effective solutions to access capital via financial transparency.

Keywords: Capital accessibility, transparency, financial statement, General Statistics Office, bank

Ngày nhận bài: 9/4/2019

Ngày hoàn thiện biên tập: 3/5/2019

Ngày duyệt đăng: 8/5/2019

Tổng quan về huy động vốn

Theo tiến trình phát triển của lịch sử, các quan điểm về vốn xuất hiện và ngày càng hoàn thiện, tiêu biểu có các cách hiểu về vốn của một số nhà kinh tế học thuộc các trường phái kinh tế khác nhau. Các nhà kinh tế học cổ điển tiếp cận vốn với góc độ hiện vật cho rằng, vốn là một trong những yếu tố đầu vào trong quá trình sản xuất - kinh doanh. Cách

hiểu này phù hợp với trình độ quản lý kinh tế còn sơ khai - Giai đoạn kinh tế học mới xuất hiện và bắt đầu phát triển.

Theo một số chuyên gia tài chính, vốn là tổng số tiền do những người có cổ phần trong công ty đóng góp và họ nhận được phần thu nhập chia cho các chứng khoán của công ty. Như vậy, các chuyên gia tài chính đã chú ý đến khía cạnh tài chính của vốn, làm rõ được nguồn vốn cơ bản của doanh nghiệp (DN); đồng thời, cho các nhà đầu tư thấy được lợi ích của việc đầu tư, khuyến khích họ tăng cường đầu tư vào mở rộng và phát triển sản xuất.

Theo David Begg và cộng sự (2005), vốn là một loại hàng hóa nhưng được sử dụng tiếp tục vào quá trình sản xuất - kinh doanh tiếp theo. Có hai loại vốn là vốn hiện vật và vốn tài chính. Vốn hiện vật là dự trữ các loại hàng hóa đã sản xuất ra các hàng hóa và dịch vụ khác. Vốn tài chính là tiền mặt, tiền gửi ngân hàng... Đất đai không được coi là vốn. Một số nhà kinh tế học cho rằng, vốn bao gồm toàn bộ các yếu tố kinh tế được bố trí để sản xuất hàng hóa, dịch vụ như tài sản tài chính mà còn cả các kiến thức về kinh tế kỹ thuật của DN đã tích lũy được, trình độ quản lý và tác nghiệp của các cán bộ điều hành cùng chất lượng đội ngũ công nhân viên trong DN, uy tín, lợi thế của DN.

Một số quan điểm khác lại cho rằng, vốn là giá trị đem lại giá trị thặng dư. Theo Vũ Duy Hào và cộng sự (2016), khái niệm về vốn được chia thành 2 phần: Tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư. Vốn được quan tâm đến khía cạnh giá trị nào đó của nó mà thôi. Bảng cân đối kế toán phản ánh tình hình tài chính của DN tại một thời điểm. Tài sản thể hiện quyết định đầu tư của nhà DN; Còn về bảng cân đối phản ánh tổng dự trữ của DN, vì vậy, để đáp



ứng đầy đủ yêu cầu về hạch toán và quản lý vốn trong cơ chế thị trường hiện nay, có thể khái quát vốn là một phần thu nhập quốc dân dưới dạng vật chất và tài sản chính được các cá nhân, tổ chức bỏ ra để tiến hành kinh doanh, nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận.

Huy động vốn là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn của DN. Khảo sát thực tiễn cho thấy, hiện có 6 kênh dẫn vốn chính cho DN nhỏ và vừa (DNNVV), cụ thể là: Vốn chủ sở hữu; vốn từ các tổ chức tín dụng; từ Quỹ hỗ trợ của Chính phủ; vốn từ các tổ chức quốc tế và từ các DN đối tác (Nguyễn Thị Cúc, 2016); vốn từ cộng đồng (Phùng Thanh Loan, 2018). Cụ thể:

- *Nguồn vốn từ chủ sở hữu và người thân*: Trong giai đoạn mới thành lập, nguồn cung cấp vốn chủ yếu cho các DNNVV thường là vốn chủ sở hữu và từ những người thân quen. Do thời điểm mới thành lập, các DNNVV còn tiềm ẩn nhiều rủi ro và lợi nhuận thấp, cho nên việc tiếp cận các nguồn vốn khác là khó có thể thực hiện được, đặc biệt là đối với nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng.

- *Nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng*: Nguồn vốn này luôn là kênh quan trọng đối với mọi loại hình DN trong nền kinh tế. Theo thống kê của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, khoảng 75% DN tại Việt Nam có nhu cầu vay vốn từ ngân hàng nhưng không phải DN nào cũng tiếp cận được nguồn vốn này. Báo cáo của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các ngân hàng thương mại cho thấy, số DNNVV được bảo lãnh vay vốn trong giai đoạn vừa qua là rất ít. Đa phần các DNNVV cho rằng, thủ tục vay vốn hiện nay là quá rườm rà, thậm chí ngay cả khi có chính sách ưu đãi của Chính phủ cũng chỉ có số ít DN tiếp cận được với nguồn vốn tín dụng.

- *Nguồn vốn từ các quỹ hỗ trợ của Chính phủ*: Thời gian qua, Chính phủ đã có nhiều giải pháp hỗ trợ cho DNNVV, trong đó phải kể tới là việc đưa Quỹ Phát triển DNNVV vào hoạt động và phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, Quỹ này chỉ tập trung vào các DN có tiềm năng phát triển, có dự án, phương án kinh doanh khả thi và DN nằm trong đối tượng ưu tiên như: DN phụ trợ, DN chế biến nông sản, DN xuất khẩu... cho DN vay vốn với lãi suất ưu đãi so với thị trường, lãi suất được tính theo lãi suất trung bình của các ngân hàng thương mại. Trong khi đó, sự hạn chế về thông tin cũng như hiểu biết các chính sách của Nhà nước còn hạn chế cũng là rào cản lớn đối với DNNVV khi tiếp cận nguồn vốn này.

- *Nguồn vốn từ các tổ chức quốc tế*: Hiện nay, có một số tổ chức phi chính phủ đang tích cực hỗ trợ cho một số DNNVV tại Việt Nam trong một số lĩnh

vực, nhiều nhất là hỗ trợ cho các DNNVV cải thiện hoạt động của DN, đáp ứng các tiêu chuẩn về trách nhiệm của DN đối với xã hội. Ưu điểm của hình thức tài trợ này là nhằm giảm bớt được gánh nặng cho ngân sách, có thêm nguồn ngoại tệ và các DNNVV sau khi nhận được tài trợ sẽ không phải hoàn trả lại số vốn được hỗ trợ. Tuy nhiên, yêu cầu đặt ra cho DNNVV của các quỹ hỗ trợ này rất cao. Đối tượng DNNVV thường có thói quen làm việc theo “mối quan hệ”, cho nên trước khi giải ngân nguồn vốn, các tổ chức quốc tế thường xuống kiểm tra thực tế năng lực của DN và trình độ của người điều hành.

- *Nguồn vốn từ các DN đối tác*: Đây là hình thức tín dụng thương mại đối với tất cả các phía mà người hưởng lợi nhiều nhất là DNNVV. Cụ thể là khi DNNVV (vệ tinh của các DN lớn), được nhận hỗ trợ tài chính và kỹ thuật từ các DN lớn. Ví dụ, Vingroup có thể ứng trước một phần giá trị đơn hàng cho các nhà thầu sản xuất cửa sổ Eurowindow đối với các dự án bất động sản của họ. Khi các nhà sản xuất có đơn đặt hàng của Vingroup, thì các DN cung cấp đầu vào cũng sẵn sàng cho trả chậm một phần trong đơn hàng.

Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, theo đó các tập đoàn sản xuất lớn trên thế giới đến đầu tư tại Việt Nam cũng nhiều lên, cơ hội để trở thành một công ty vệ tinh của các tập đoàn quốc tế cũng cần được DNNVV Việt Nam quan tâm tận dụng triệt để. Tuy nhiên, kênh huy động vốn từ đối tác kinh doanh phần lớn phụ thuộc vào niềm tin giữa các DN. Điều này đòi hỏi các DNNVV phải từ bỏ thói quen kinh doanh theo kiểu “thời vụ”, tiến tới xây dựng uy tín và thương hiệu, lòng tin không tự nhiên mà có được, nó được xây dựng trên uy tín qua mỗi công việc, dù là nhỏ nhất.

- *Nguồn vốn từ cộng đồng*: Huy động vốn từ cộng đồng là một hình thức huy động vốn mới và ngày càng trở nên phổ biến. Điều này tạo điều kiện thuận lợi để giúp các nhà đầu tư và các nhà quản lý dự án tiếp cận với nhau. Phương pháp này có thể giúp các DNNVV bị từ chối cho vay bởi các ngân hàng thương mại thu hút vốn từ các nhà đầu tư nhỏ trong cộng đồng, thông qua việc sử dụng phương tiện truyền thông xã hội trên Internet. Tuy nhiên, ở Việt Nam, huy động vốn từ cộng đồng vẫn là một khái niệm mới lạ đối với nhiều người. Nguyên nhân là hệ thống pháp luật của Việt Nam chưa có quy định cụ thể về huy động vốn từ cộng đồng.

Tình hình huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, hiện nay



DNNVV chiếm khoảng 97% trong tổng số DN Việt Nam. Khu vực DN này ngày càng khẳng định rõ vị thế và vai trò đối với nền kinh tế khi đóng góp trên 40% GDP, thu hút hơn 50% tổng số lao động, tạo ra từ 45 - 50% khối lượng hàng tiêu dùng và xuất khẩu, chiếm 17,26% tổng thu ngân sách nhà nước (MPI, 2004). Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới thì nhu cầu về vốn để đầu tư công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh... của DNNVV ngày càng cấp thiết. Tuy vậy, tỷ lệ tiếp cận vốn của DNNVV hiện nay đang rất thấp, khoảng trên 32%.

Huy động vốn là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn của doanh nghiệp. Khảo sát cho thấy, hiện có 6 kênh dẫn vốn chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cụ thể là: Vốn chủ sở hữu; vốn từ các tổ chức tín dụng; từ Quỹ hỗ trợ của Chính phủ; vốn từ các tổ chức quốc tế và từ các doanh nghiệp đối tác; vốn từ cộng đồng.

Khảo sát về thực trạng khả năng tiếp cận tín dụng của DN khu vực Đồng bằng sông Hồng, do Trung tâm Thông tin Kinh tế, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp với Công ty TNHH Dịch vụ Mê Kông thực hiện trên tổng số 504 DN. Trong đó, bao gồm nhiều lĩnh vực như: Thương mại, chế biến, chế tạo, xây dựng công trình, dân dụng, vận tải, kho bãi, nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp hỗ trợ, bất động sản... Kết quả khảo sát 504 DN cho thấy, nhu cầu vốn của các DN rất lớn, tuy nhiên, trong đó không ít DN chưa tiếp cận được tới nguồn vốn tín dụng tại các tổ chức tín dụng. Nguyên nhân xuất phát từ nhiều phía: Đối với DN, bên cạnh năng lực quản lý thì minh bạch hoạt động tài chính là điểm yếu phổ biến khi tiếp cận tín dụng. Trong nhiều trường hợp, bên cần vốn và bên đầu tư không gặp nhau, không tin nhau và không hợp tác với nhau chỉ vì thực trạng “thiếu minh bạch”, nhất là trong báo cáo tài chính của DN.

Trong bối cảnh quản trị DN, “minh bạch” được hiểu là sự tự do, sự chia sẻ thẳng thắn, cởi mở, rõ ràng trong triết lý của tổ chức và các quy trình hoạt động. Cho nên, để tìm được nguồn vốn tốt, DNNVV nên chọn người làm tài chính tốt và trung thực, nhất là phải thống nhất một báo cáo tài chính. Không chỉ ở kênh tín dụng ngân hàng, mà trên thị trường chứng khoán, các nhà tư vấn, môi giới, đầu tư cũng đề cập nhiều đến “tính minh bạch” trong hoạt động.

Hiện nay, các ngân hàng chủ yếu chỉ cấp tín dụng ngắn hạn, mang tính thương vụ cho các DNNVV mà ít phê duyệt các dự án đầu tư chiều sâu nhằm cải thiện năng lực cạnh tranh của DNNVV. Công

tác hạch toán kế toán và báo cáo tài chính của một bộ phận DN còn yếu về trình độ và kém về ý thức chấp hành các quy định của luật pháp, vì vậy không đủ làm cơ sở cho các ngân hàng thương mại đánh giá chính xác về hiệu quả sản xuất kinh doanh của DN. Việc công khai tài chính của DN còn thiếu minh bạch, phần lớn các DNNVV không có hệ thống kế toán tiêu chuẩn. Báo cáo của DN không được kiểm toán hàng năm, do đó, mức độ tin cậy còn thấp. Ngoài ra, dự án, phương án đầu tư của nhiều DN có tính khả thi thấp, chạy theo mục tiêu lợi nhuận ngắn hạn nên cũng không có sức thuyết phục đối với ngân hàng; khả năng lập dự án của các DNNVV rất hạn chế... Đây là những nguyên nhân khiến DNNVV khó được bảo lãnh tín dụng mặc dù hình thức hỗ trợ này đã có từ nhiều năm nay. Chính vì năng lực tài chính hạn chế và vấn đề tiếp cận nguồn vốn vay từ các tổ chức tài chính khó khăn... đã buộc DNNVV phải tìm cách tiếp cận các nguồn vốn sẵn có trong nền kinh tế, để đảm bảo được đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Giải pháp thúc đẩy minh bạch hoạt động tài chính của doanh nghiệp Việt Nam

Trong vài năm trở lại đây, các DN đã, đang tích cực xây dựng tính “minh bạch” cho tổ chức của mình ở mọi cấp độ. Mặc dù đã có nhiều bước tiến đáng kể so với trước, đại bộ phận các DN này vẫn đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức. Một trong những nguyên nhân dễ nhận thấy là do các công ty mới chỉ dừng ở mức thảo luận về tính minh bạch, chưa có kế hoạch hành động cụ thể để truyền tải yếu tố này vào các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để hỗ trợ DNNVV tiếp cận được tới các nguồn vốn hiệu quả trong bối cảnh hội nhập, cần có sự phối hợp hiệu quả từ các cơ quan, bộ, ngành, hiệp hội và quan trọng nhất là từ bản thân DN. Đặc biệt, DN cần nâng cao năng lực huy động vốn, cụ thể:

Thứ nhất, DN Việt Nam phải thường xuyên xem xét các tiêu chí đánh giá tình hình tài chính như mức độ độc lập tài chính, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời, hiệu quả hoạt động, hiệu quả phương án vay vốn và phân phối lợi nhuận... Để tiếp cận được vốn vay, các chỉ tiêu tài chính nêu trên phải đạt tối thiểu ở mức an toàn theo quy định. Khi hoạt động tài chính được minh bạch, không chỉ giúp các tổ chức tín dụng giảm thời gian thẩm định khách hàng, việc ra quyết định cho vay nhanh hơn, mà còn giúp DN nhận diện sớm các rủi ro tiềm ẩn để có biện pháp xử lý hiệu quả. Tăng cường tính minh bạch của DN thể hiện trong các hành động minh bạch hoạt động,



báo cáo tài chính, có thiện chí hợp tác, phối hợp với tổ chức tín dụng trong cung cấp thông tin, cơ cấu lại nợ và xây dựng phương án kinh doanh phù hợp, chủ động tăng hiểu biết về tài chính - tín dụng, bảo lãnh và các chính sách hỗ trợ.

DN cần chủ động công bố thông tin bởi đây là một trong những tiêu chí đánh giá chất lượng quản trị DN và minh bạch. Việc công bố thông tin phải đảm bảo chất lượng, kịp thời, đầy đủ. Ngoài ra, DN Việt Nam nên chủ động phòng, chống rủi ro thiếu minh bạch xuất phát thật sự từ lợi ích của DN. DN nên xây dựng quy trình, chính sách, giải pháp kiểm soát giúp công ty. Đó là những thông tin khi được công bố sẽ nâng cao uy tín của công ty với các đối tác, cũng như tạo niềm tin nơi các tổ chức tín dụng, các nhà đầu tư.

Thứ hai, trong xu hướng hội nhập hiện nay, khi cơ hội hợp tác quốc tế càng tăng thì liên chính là yếu tố mà các đối tác nước ngoài lựa chọn để kinh doanh. Đây là lợi thế lớn đối với DN thể hiện tính minh bạch. Về phía người tiêu dùng, theo kết quả nghiên cứu của Tổ chức Hướng tới Minh bạch, có 60% người tiêu dùng sẵn sàng trả nhiều tiền hơn để mua sản phẩm, dịch vụ của DN minh bạch. Minh bạch không chỉ là minh bạch về một số báo cáo, công văn, giấy tờ mà minh bạch ở tất cả các hoạt động, làm đúng. Minh bạch phải đi kèm với trách nhiệm giải trình trong DN.

Thứ ba, DN Việt Nam cần tuân thủ quy định pháp luật, tạo tiền đề cho việc sẵn sàng minh bạch hơn. Theo đó, ngoài việc tuân thủ, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về thông tin, báo cáo thì phải chủ động xây dựng hệ thống đảm bảo các vấn đề minh bạch, liên chính của công ty được quản trị một cách bài bản, chặt chẽ, nhất quán từ trên xuống dưới, trong các khâu hoạt động.

Thứ tư, để thúc đẩy minh bạch, liên chính cần có sự tham gia của Nhà nước và người dân. Một ý tưởng có thể đề cập tới rằng, nếu có thể hình thành nên một bộ số liệu và bộ chỉ số, tiêu chí để có thể truy cập và kiểm tra độ minh bạch của các DN thì hoàn toàn có thể thuyết phục được các tổ chức tín dụng và nhà đầu tư.

Thứ năm, vấn đề minh bạch hoạt động tài chính còn có ý nghĩa và tầm quan trọng rất lớn đối với các DN khởi nghiệp. Đây là vấn đề mang ý nghĩa sống còn, chỉ thực hiện mới có hy vọng giải ngân để bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Thứ sáu, về phía nhà quản lý, nên áp dụng đầy đủ chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế và các diễn giải liên quan cho các đơn vị có lợi ích công chúng. Tuy nhiên, Việt Nam hiện có rất nhiều DN với quy

mô khác nhau và rất khó bắt buộc các DNNVV phải tuân thủ theo các chuẩn mực quốc tế nếu lợi ích các DN này thu được không tương xứng với các chi phí phải bỏ ra. Bởi vậy, nhà quản lý cần chuyển đổi sang hệ thống Chuẩn mực kế toán quốc tế một cách nghiêm túc, khách quan và linh hoạt.

Bên cạnh đó, các chế tài xử phạt vi phạm trách nhiệm công bố thông tin đã được quy định cụ thể tại Điều 23 Nghị định số 81/2015/NĐ-CP và Điều 27 Nghị định số 50/2016/NĐ-CP. Trong đó, hình thức xử phạt bằng tiền là biện pháp có thể thực hiện được ngay trong thực tế. Tuy nhiên, muốn đẩy mạnh công khai hoá, minh bạch hoá thông tin, cần có những chế tài đủ mạnh để quy trách nhiệm đối với ban lãnh đạo của DN trong trường hợp không công khai hoá, minh bạch hoá thông tin. Giải pháp này đã được nhắc đến từ lâu nhưng muốn làm nghiêm, làm mạnh thì cần quyết tâm rất lớn của Chính phủ, và cả hệ thống chính trị.

Tóm lại, trong quá trình hoạt động, các DN có thể tìm vốn từ nhiều nguồn khác nhau. Trong đó, vốn tín dụng từ ngân hàng và vốn huy động từ thị trường vốn - thị trường chứng khoán là 2 nguồn quan trọng. Để thuận lợi hơn trong vay vốn tín dụng, DN cần tăng cường công khai, minh bạch các hoạt động như báo cáo tài chính. Vì khi cho vay, ngân hàng phải luôn quan tâm đến rủi ro, quy trình xử lý nợ chặt chẽ nên công khai, minh bạch là điều quan trọng để tạo niềm tin. Tương tự như vậy, trên thị trường vốn, các nhà đầu tư cũng cần thấy được sự minh bạch và có niềm tin để đưa vốn của mình vào phát triển DN.



Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Thị Cúc (2016), *Nâng cao hiệu quả vốn vay cho các DN nhỏ và vừa*, Tạp chí Tài chính, số tháng 5;
2. Thời báo Tài chính (2018), "Giải pháp gỡ khó về tài sản bảo đảm khi vay vốn ngân hàng", từ <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/tien-te-bao-hiem/2018-08-27/giai-phap-go-kho-ve-tai-san-bao-dam-khi-vay-von-ngan-hang-61325.aspx>;
3. Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn (Chủ biên) (2016), *Giáo trình Tài chính DN*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội;
4. Phung Thanh Loan (2018), *Crowdfunding – A new form of Capital mobilization for Small and Medium sized enterprises (SMES) in Vietnam*, The 5th IBSM International Conference on Business, Management and Accounting, 19-21 April, Hanoi University of Industry, Vietnam;
5. David Begg, Standley Fischer, Rudige Darnbusch (2005), *Economics*, 8th Edition, McGraw Hill Education, UK.

Thông tin tác giả:

ThS. Đinh Thị Hải Phong, ThS. Trần Thị Minh Nguyệt - Học viện Tài chính
Email: Giobien0574@gmail.com